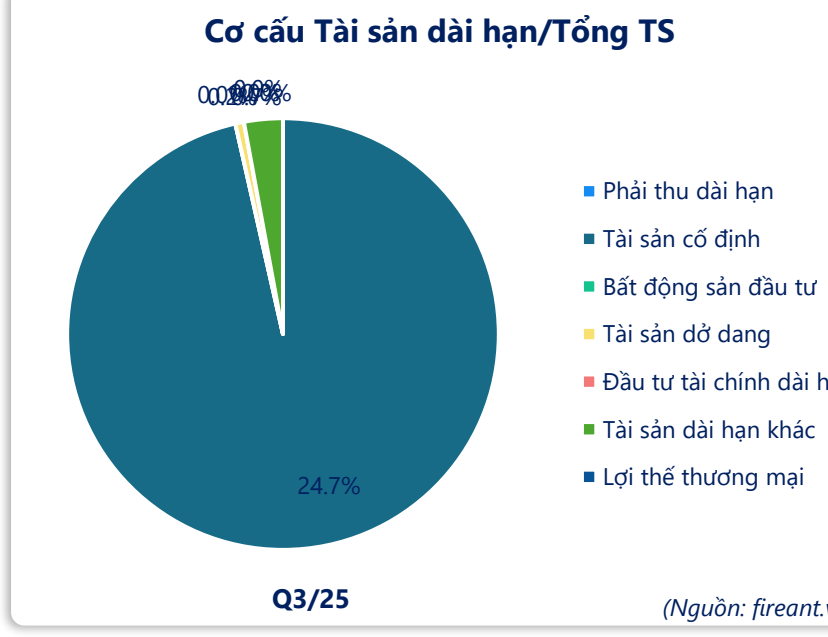
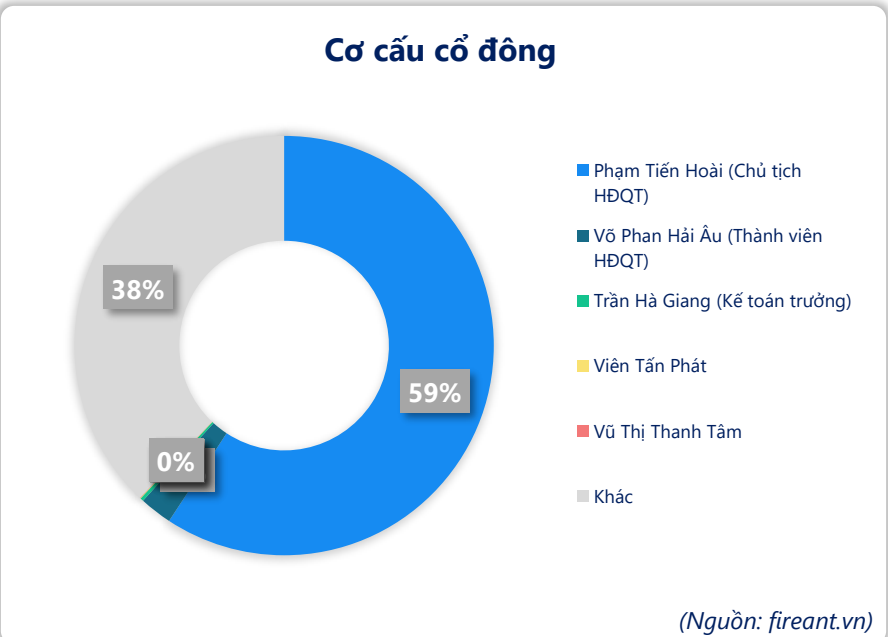
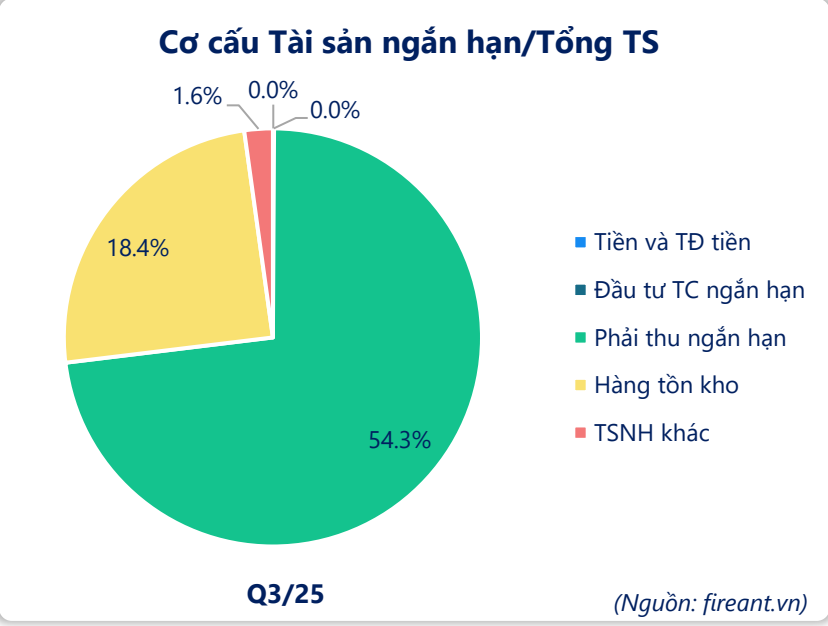
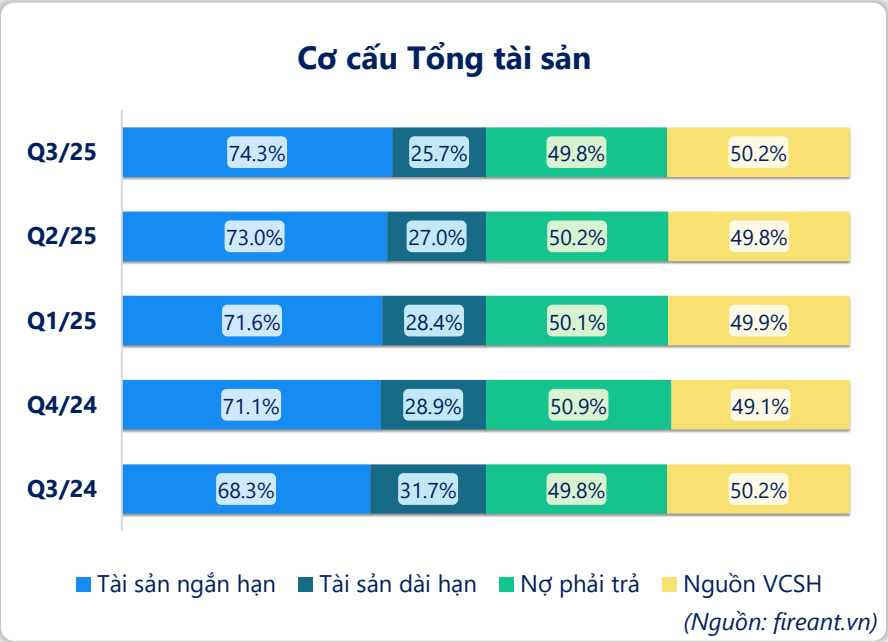
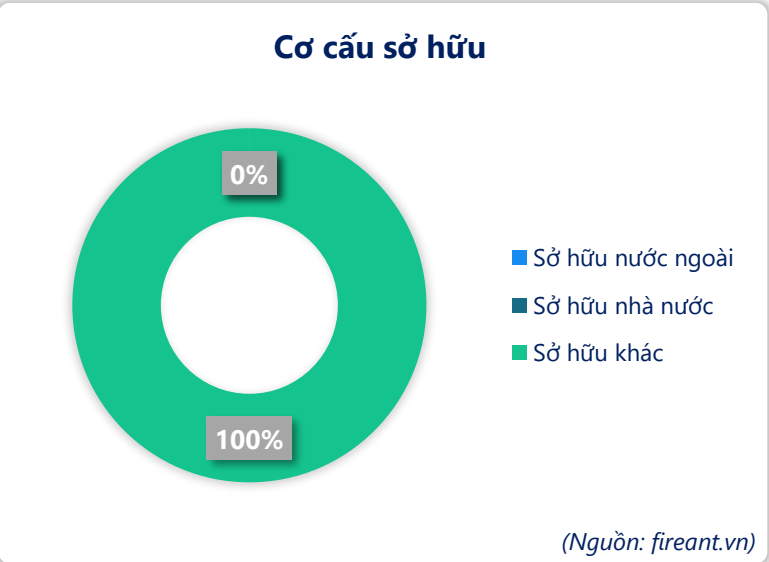
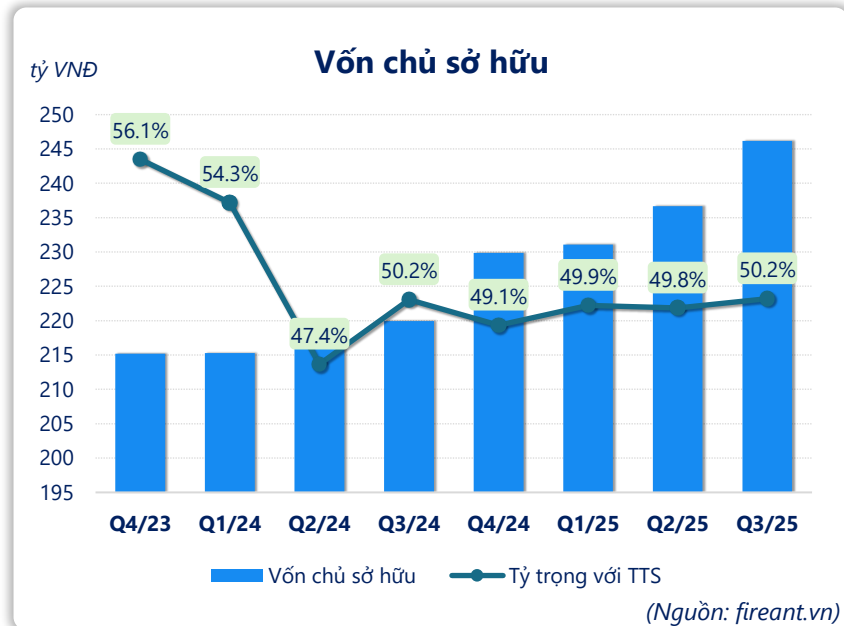
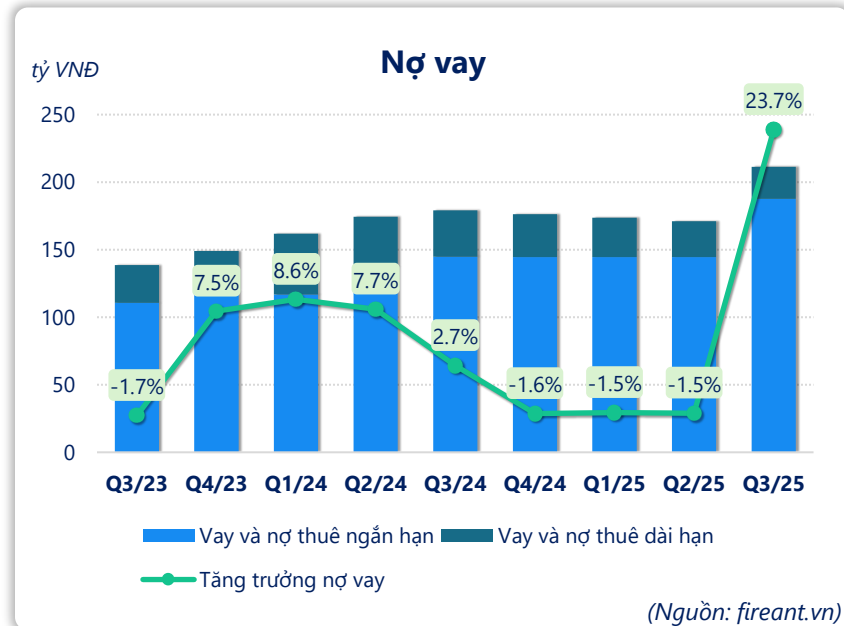
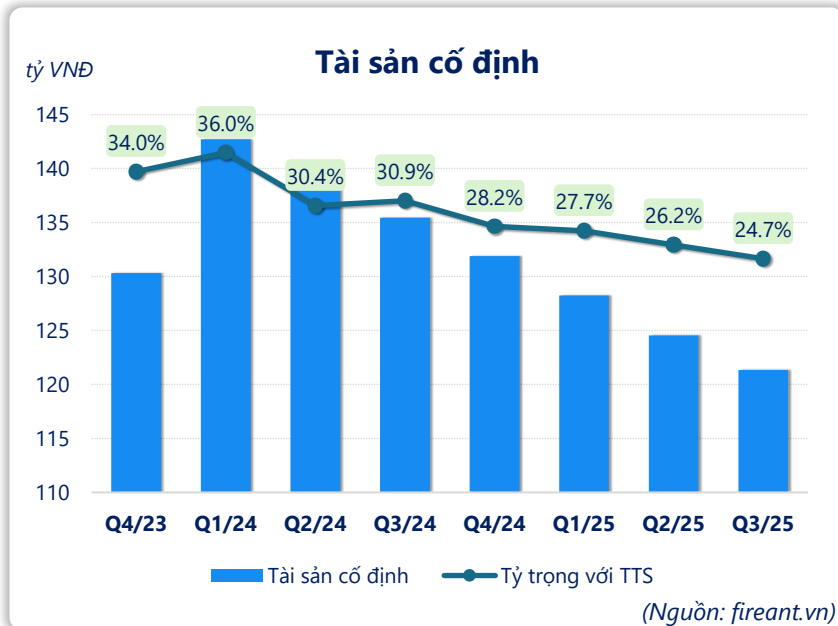
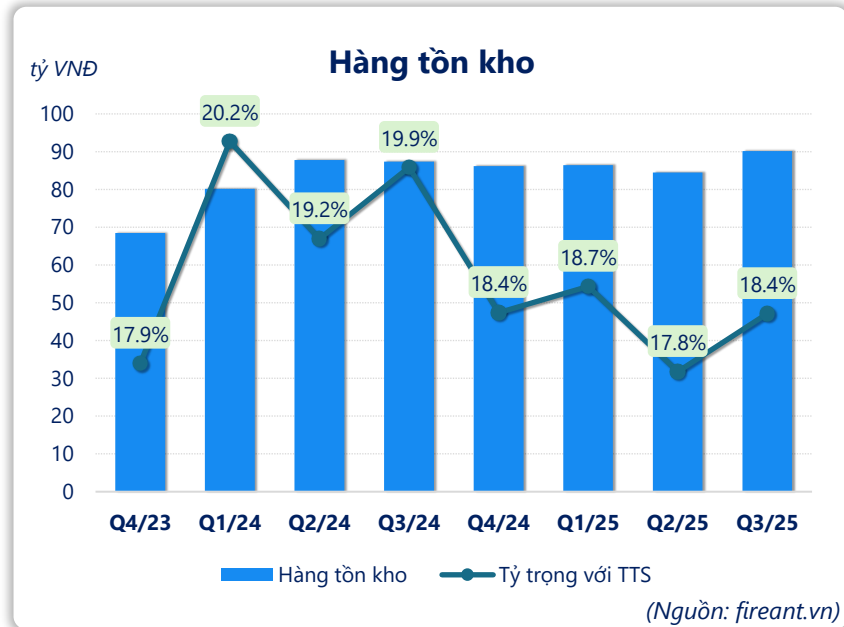
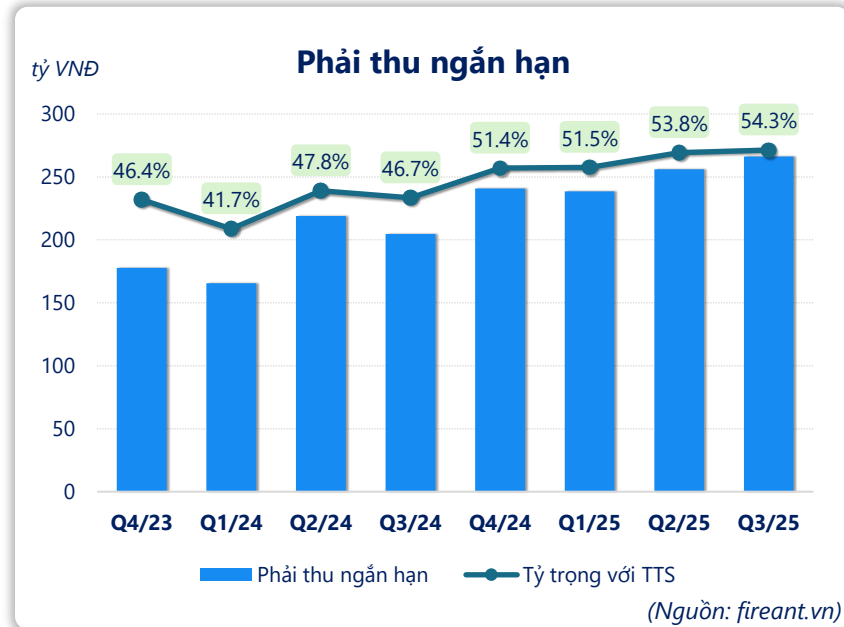
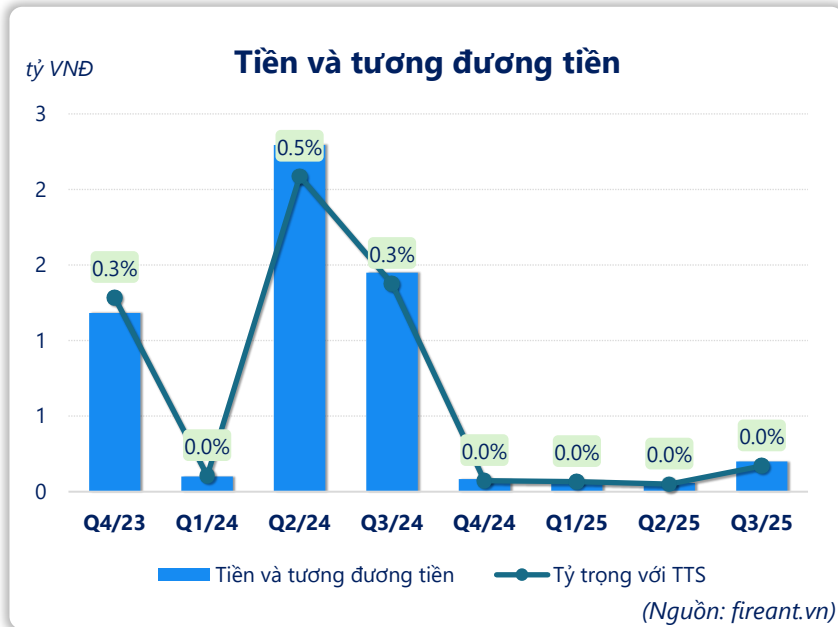
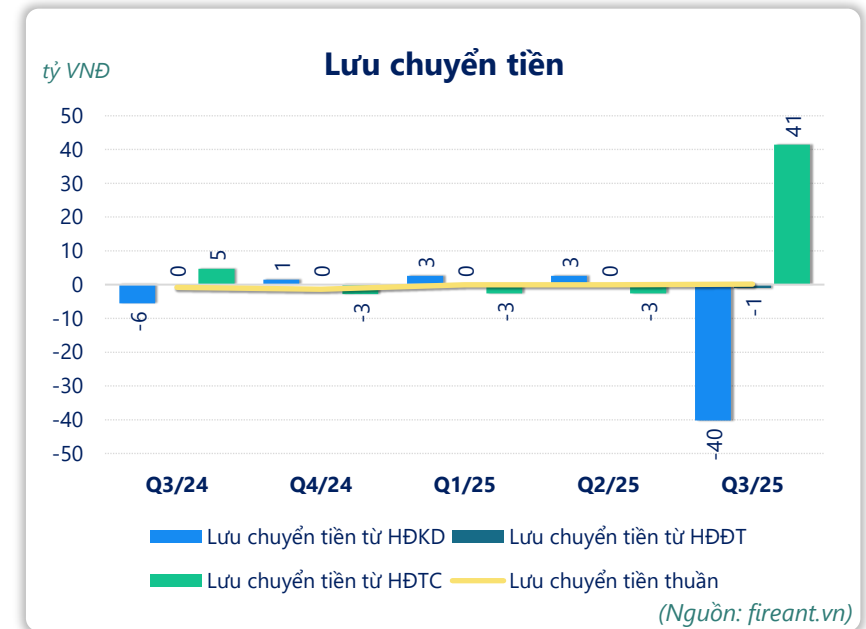
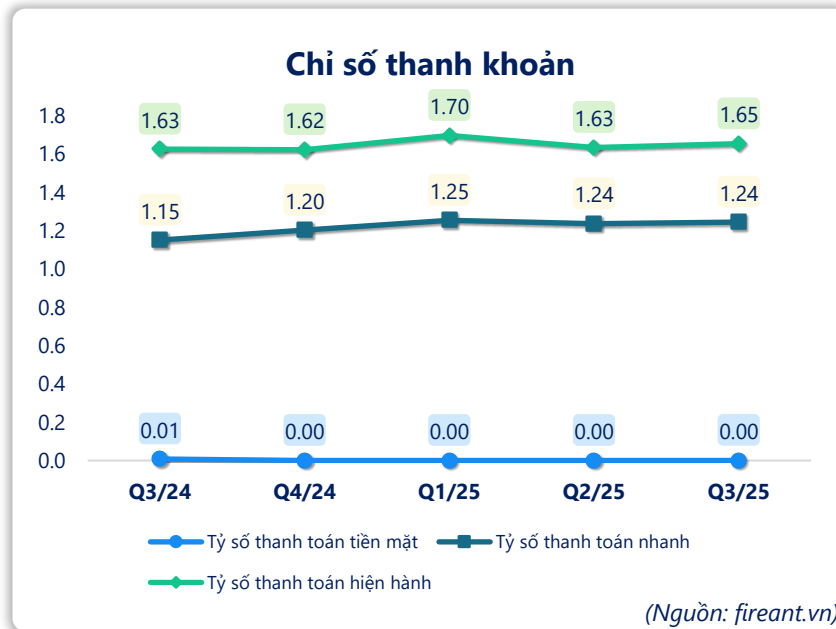
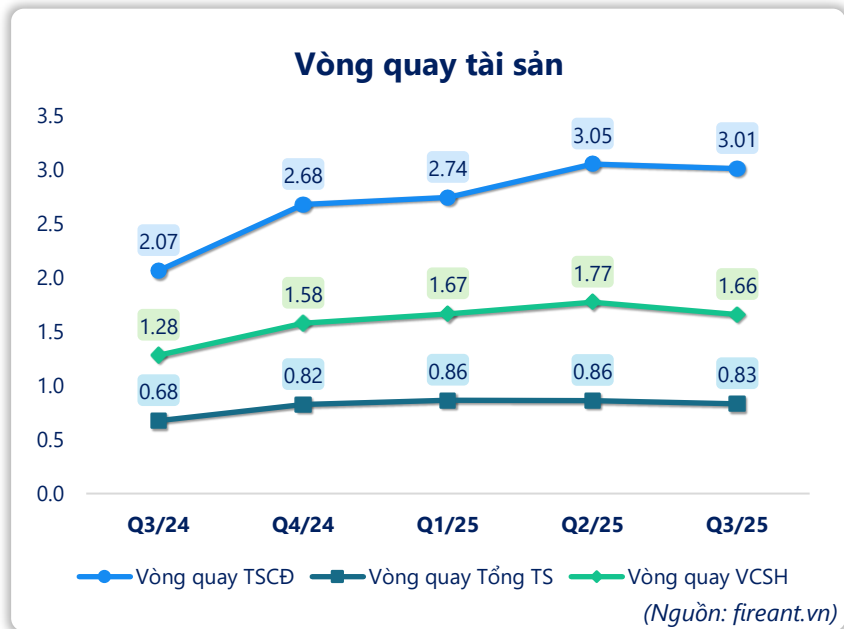
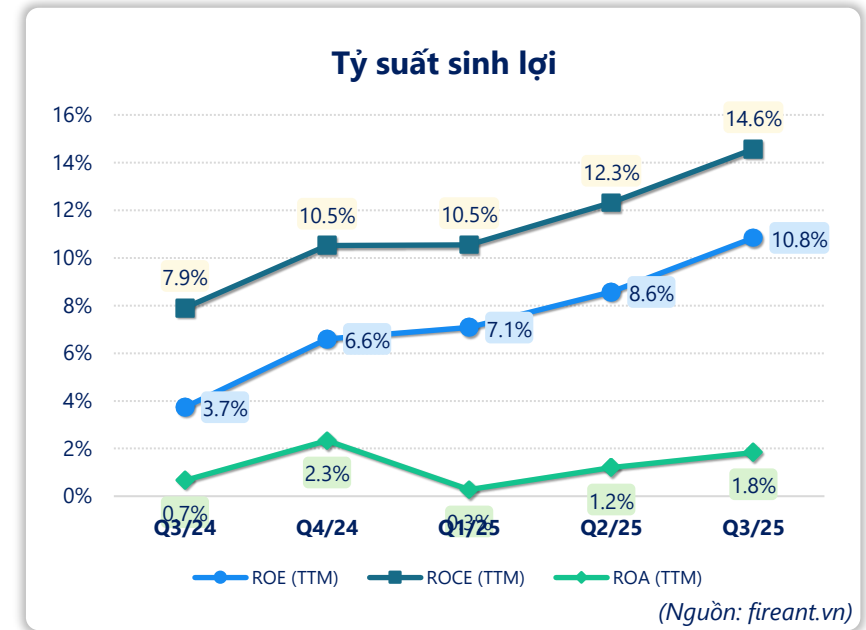
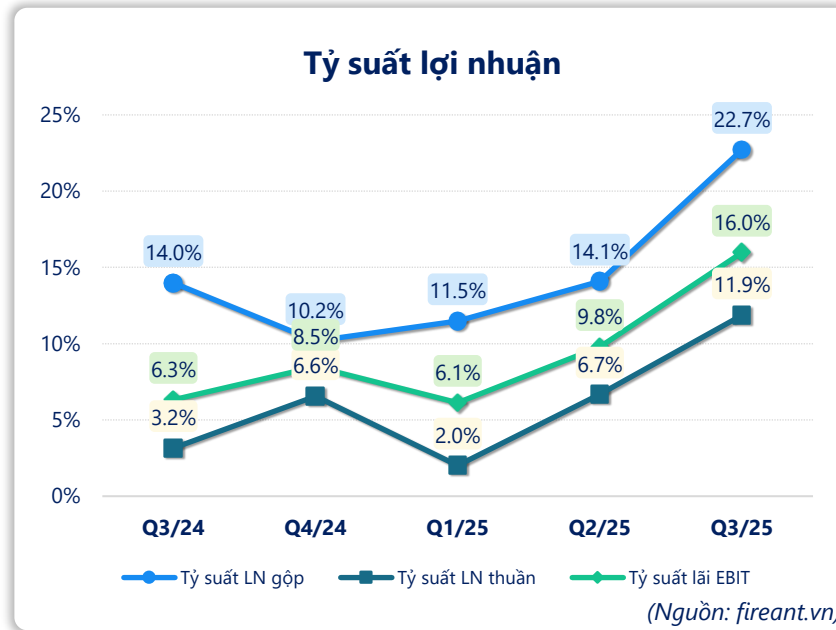
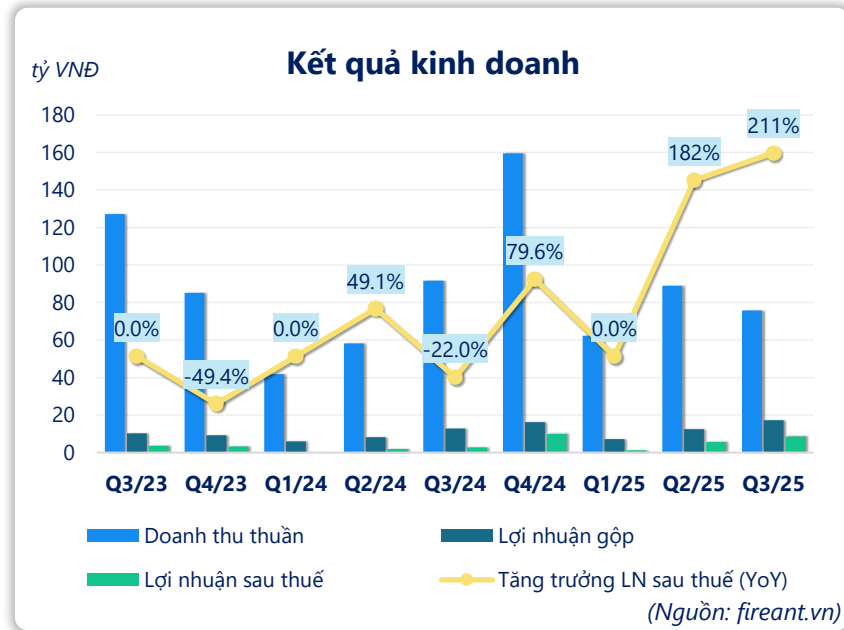


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,881
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,222
SL cổ phiếu LH		20,545,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,260
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		144
P/E		5.7
EPS		1,229

	YTD	1T	3T	6T
TT6	-12.4%	32.1%	25.7%	19.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	490	468	4.7%
Tài sản ngắn hạn	365	333	9.5%
Tiền và tương đương tiền	0.20	0.08	143%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.11	0.0%
Phải thu ngắn hạn	266	241	10.6%
Hàng tồn kho	90.2	86.2	4.6%
Tài sản ngắn hạn khác	8.02	5.98	34.2%
Tài sản dài hạn	126	135	-7.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	121	132	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.81	0.09	798%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.65	3.41	7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	244	238	2.4%
Nợ ngắn hạn	220	205	7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	188	145	29.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.0	13.1	-0.8%
Nợ dài hạn	23.7	33.3	-28.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.7	31.7	-25.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	246	230	7.1%
Vốn chủ sở hữu	246	230	7.1%
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	91.6	159	62.4	88.9	75.8
Giá vốn hàng bán	78.8	143	55.2	76.4	58.6
Lợi nhuận gộp	12.8	16.2	7.16	12.5	17.2
Doanh thu HĐTC	0.16	0.34	0.16	0.36	0.39
Chi phí TC	3.33	3.13	2.68	2.87	3.19
Chi phí lãi vay	2.92	3.09	2.57	2.80	3.12
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.98	1.40	0.96	1.79	2.52
Chi phí QLDN	3.76	1.57	2.42	2.29	2.90
LN thuần từ HĐKD	2.90	10.5	1.26	5.93	8.99
Lợi nhuận khác	-0.02	0.00	0.00	-0.03	0.00
LN trước thuế	2.87	10.5	1.26	5.90	8.99
Lợi nhuận sau thuế	2.73	9.93	1.19	5.59	8.54
LNST của CĐ cty mẹ	2.73	9.93	1.19	5.59	8.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.55	1.44	2.59	2.62	-40.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	-1.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.71	-2.80	-2.60	-2.63	41.4
Tiền đầu kỳ	2.29	1.45	0.08	0.07	0.06
Lưu chuyển tiền thuần	-0.84	-1.37	-0.01	-0.02	0.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.45	0.08	0.07	0.06	0.20

(Nguồn: fireant.vn)